

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH ĐỊNH

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 01 trang)

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH LỚP 12
KHÓA NGÀY: 22 - 10 - 2022

Môn thi: ĐỊA LÍ
Thời gian: 180 phút (không kể thời gian phát đề)
Ngày thi: 22/10/2022

Câu 1. (3,0 điểm)

Phân tích mối quan hệ giữa sự phân bố các vòng đai nhiệt, vòng đai khí áp, vòng đai gió và vòng đai mưa trên Trái Đất. ✓

Câu 2. (3,0 điểm)

hình cầu và trục TD nghiêng 0° suốt quanh trục

- a) Tại sao hình dạng và vị trí của Trái Đất so với Mặt Trời lại là nguyên nhân của quy luật địa đới? ✓
b) Ranh giới của lớp vỏ địa lí có trùng với ranh giới của sinh quyển không? Tại sao? ✓

Câu 3. (2,0 điểm)

do lợi ruộng nghỉ, tài lợi hết có hay k?

- a) Giải thích tại sao tỉ số giới tính ở các nước đang phát triển cao hơn so với các nước phát triển?
b) Tại sao trong phát triển nền nông nghiệp hiện đại, các nước cần phải đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa?

Câu 4. (3,0 điểm)

tài mưa hè: chịu 1 phần hiệu ứng gió từ áp cao vịnh Bengan

Dựa vào Át-lát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- a) Giải thích tại sao vào tháng 7 nhiệt độ Bắc Bộ lại cao hơn Nam Bộ? Tại sao ở Đồng bằng Bắc Bộ gió mùa mùa hạ lại có hướng Đông Nam?
b) Giải thích tại sao gió mùa mùa hạ cùng thời theo hướng Tây Nam nhưng nửa đầu mùa hạ gây mưa ở sườn Tây, khô nóng ở sườn Đông dãy Trường Sơn, nhưng nửa cuối mùa hạ gây mưa lớn cả 2 sườn núi?

Câu 5. (3,0 điểm)

1/2 X) Dựa vào Át-lát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích tại sao chênh lệch lưu lượng nước chảy tháng lũ lớn nhất và tháng kiệt nhất của sông Đồng Nai lại lớn hơn sông Hồng.

1/2 b) Tại sao nói thủy văn và thổ nhưỡng của nước ta là đặc trưng cho miền khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

đông ngòi lượng mưa

Câu 6. (3,0 điểm)

1/2 Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích về tỉ số giới tính khi sinh của cả nước, thành thị ở nước ta giai đoạn 2011 - 2021.

TỈ SỐ GIỚI TÍNH KHI SINH CỦA CẢ NƯỚC, THÀNH THỊ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2011 - 2021

(Đơn vị: số bé trai/100 bé gái)

Năm	2011	2013	2015	2017	2019	2021
Cả nước	111,9	113,8	112,8	112,1	111,5	112,0
Thành thị	114,2	110,3	114,8	114,4	110,8	123,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Câu 7. (3,0 điểm)

1/2 X) Dựa vào Át-lát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh điều kiện phát triển công nghiệp thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.

1/2 X) Tại sao đầu tư theo chiều sâu được coi là một hướng chủ yếu trong hoàn thiện cơ cấu công nghiệp của nước ta?

có hiệu quả

HẾT